

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2024/DS-PT

Ngày: 28 - 6 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Bà Phạm Phong Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Khang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Minh H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số A, đường số D, thôn G, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Minh H: Ông Trương Hoài V, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu phố L2, thị trấn LT, huyện T, tỉnh Bình Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 06/3/2023).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số B8, đường số B9, thôn B1, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1968.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh L: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1973; Cùng địa chỉ: Số B8, đường số B9, thôn B1, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. (Văn bản ủy quyền ngày 09/5/2023).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trương Thị Minh H.

Tại phiên tòa, ông Trương Hoài V có mặt ngày 24 và 28/6/2024, bà Trương Thị Minh H có mặt ngày 24/6/2024, vắng mặt ngày 28/6/2024; các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Minh H và người đại diện theo ủy quyền ông Trương Hoài V trình bày:

Do chỗ bạn bè thân quen, nên tháng 12/2021, bà H có cho bà Nguyễn Thị P vay tiền để mua 04 hợp đồng bảo hiểm cho người thân với tổng số tiền 68.032.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng bảo hiểm của ông Nguyễn Thanh L với số tiền 20.152.000 đồng.
- Hợp đồng bảo hiểm của ông Võ Ngọc H7 với số tiền 12.107.000 đồng.
- Hợp đồng bảo hiểm của bà Nguyễn Thị C với số tiền 15.681.000 đồng.
- Hợp đồng bảo hiểm của bà Nguyễn Thị Kim H5 với số tiền 20.092.000 đồng.

Khi mua các hợp đồng bảo hiểm trên, bà H có đưa cho bà P 700.000 đồng là tiền hoa hồng chiết khấu từ công ty. Sau đó, bà P đã hủy bỏ hết các hợp đồng không tham gia nữa.

Ngoài ra, bà H còn cho bà P, ông L vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 80.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 04/10/2020 cho vay 50.000.000 đồng.
- Ngày 29/01/2021 cho vay 20.000.000 đồng.
- Ngày 12/10/2021 cho vay 10.000.000 đồng.

Đối với khoản vay 80.000.000 đồng, khi vay, hai bên có thỏa thuận miệng về lãi suất cho tất cả các lần vay là 3%/tháng. Hiện nay, bà P, ông L đã trả cho bà H số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng. Tuy nhiên, tiền lãi phát sinh đối với khoản vay này là 17.000.000 đồng, bà P, ông L chưa trả.

Do vậy, bà Trương Thị Minh H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Thanh L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền lãi trên số tiền gốc 80.000.000 đồng còn nợ là 17.000.000 đồng, và yêu cầu bà Nguyễn Thị P trả cho bà H số tiền đã mượn để đóng bảo hiểm tổng cộng là 68.032.000 đồng và tiền hoa hồng chiết khấu mua bảo hiểm bà H đã đưa cho bà P là 700.000 đồng. Tổng số tiền bà P phải trả cho bà H là 85.732.000 đồng.

Ngày 17/6/2023, người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Minh H là ông Trương Hoài V có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu giải quyết buộc bà P, ông L phải trả số tiền lãi 17.000.000 đồng trên số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Minh H cũng như người đại diện theo ủy quyền chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L, bà P

phải có nghĩa vụ trả số tiền vay để mua bảo hiểm là 68.032.000 đồng và số tiền chiết khấu mua bảo hiểm là 700.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị P, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh L trình bày:

- Đối với các khoản tiền đóng bảo hiểm như bà H đã trình bày, bà khẳng định không mượn tiền của bà H để đóng bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào.

- Về khoản tiền hoa hồng 700.000 đồng là số tiền từ Giám đốc công ty bảo hiểm Trần Ngọc H6 thưởng nóng cho bà khi bà giới thiệu hai hợp đồng bảo hiểm của ông Võ Ngọc H7 và bà Nguyễn Thị Kim L1, nhưng gửi cho bà H để đưa lại cho bà, chứ không phải tiền của bà H.

- Về 03 lần mượn tiền với tổng số tiền gốc là 80.000.000 đồng và 17.000.000 đồng tiền lãi là bà đã trả hết cho bà H, không còn nợ lại gì cả.

Bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Hoài V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị Minh H yêu cầu đưa bà Đặng Thị Hoàng A và bà Đỗ Thị Bích T tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ đối với bà A, bà T, nhưng hai bà không tham gia và chỉ nộp văn bản ghi ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 91, Điều 93, Điều 94, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Minh H đối với yêu cầu giải quyết buộc bà P và ông L phải liên đới trả cho bà H số tiền lãi tính trên nợ gốc 80.000.000 đồng còn nợ lại là 17.000.000 đồng.

2. Bác đơn yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Minh H đối với bà Nguyễn Thị P1 về việc yêu cầu bà P, ông L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền đã mượn để đóng bảo hiểm là 68.032.000 đồng và số tiền chiết khấu hợp đồng là 700.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2023, nguyên đơn bà Trương Thị Minh H kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Trương Thị Minh H và người đại diện theo ủy quyền ông Trương Hoài V xác định lại chỉ kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm đối với phần bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị P trả cho nguyên đơn số tiền đã vay để đóng phí bảo hiểm là 68.032.000 đồng; Đồng thời rút kháng cáo đối với số tiền chiết khấu hợp đồng bảo hiểm là 700.000 đồng.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị Minh H, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Minh H, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị P trả cho bà Trương Thị Minh H 68.032.000 đồng đã vay để đóng phí của 04 hợp đồng bảo hiểm và áp dụng khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị Minh H về khoản tiền chiết khấu hợp đồng bảo hiểm 700.000 đồng bà Trương Thị Minh H yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị P trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày tại phiên tòa của đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này theo đề nghị của những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc rút một phần kháng cáo của nguyên đơn: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trương Thị Minh H rút một phần kháng cáo đối với khoản tiền chiết khấu hợp đồng bảo hiểm 700.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần kháng cáo này là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo này, như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị Minh H đối với khoản tiền 68.032.000 đồng cho vay để đóng phí cho 04 hợp đồng bảo hiểm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Trước đây, nguyên đơn bà Trương Thị Minh H có làm đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay với bị đơn bà Nguyễn Thị P, vụ án đã được Toà án nhân dân huyện Đức Linh thụ lý số 156/2022/TLST-DS ngày 06/6/2022. Quá trình giải quyết vụ án này, tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2022, bà Nguyễn Thị P đã khai nhận: *“Tôi thừa nhận có mượn bà Trương Thị Minh H để đóng các khoản tiền bảo hiểm (bảo hiểm anh L 20.152.000 đồng, bảo hiểm bé H4 20.092.000 đồng, bảo hiểm H7 12.107.000 đồng và bảo hiểm C 15.681.000 đồng). Số tiền mượn để đóng các hợp đồng bảo hiểm trên thì tôi mượn bà H không có giấy tờ gì hết. Nếu bà H khởi kiện tôi trả tiền bảo hiểm thì tôi đồng ý, nhưng khởi kiện tôi đối với các khoản tiền vay 50.000.000 đồng ngày 04/10/2020, 20.000.000 đồng ngày 29/01/2021 và 10.000.000 đồng ngày 12/10/2021 thì tôi không đồng ý”*, phần cuối của Biên bản này ghi nhận: *“Bà P đã tự đọc, công nhận là biên bản ghi đúng lời khai của mình”*.

[3.2] Lời khai trên của bà Nguyễn Thị P không những phù hợp với lời khai của nguyên đơn bà Trương Thị Minh H, mà còn phù hợp với kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Toà án cấp phúc thẩm, phù hợp với lời khai của người làm chứng, cụ thể:

[3.2.1] Theo Văn bản số 24/2024/CV-PH ngày 10/4/2024 của Công ty Cổ phần B đã xác nhận:

- Số tiền phí bảo hiểm đóng cho hợp đồng của bên mua bảo hiểm là ông Nguyễn Thanh L do Đại lý Trương Thị Minh H nộp tiền mặt tại ngân hàng (theo Giấy nộp tiền ngày 15/7/2021); Số tiền phí bảo hiểm đóng cho hợp đồng của bên mua bảo hiểm là bà Nguyễn Thị Kim H5 do Đại lý Đỗ Thị Bích T thay mặt khách hàng nộp qua hệ thống Payoo (theo Biên lai chuyển tiền ngày 25/11/2021); Số tiền phí bảo hiểm đóng cho hợp đồng của bên mua bảo hiểm là ông Võ Ngọc H7 do Đại lý Đỗ Thị Bích T thay mặt khách hàng nộp qua hệ thống Payoo (theo Biên lai chuyển tiền ngày 06/12/2021); Số tiền phí bảo hiểm đóng cho hợp đồng của bên mua bảo hiểm là bà Nguyễn Thị C do Đại lý Đỗ Thị Bích T thay mặt khách hàng nộp qua hệ thống Payoo (theo Biên lai chuyển tiền ngày 10/12/2021).

- Hiện nay 04 hợp đồng bảo hiểm đã chấm dứt hiệu lực. Lý do: Bên mua bảo hiểm của 04 hợp đồng bảo hiểm khiếu nại với Công ty về việc không tham gia các hợp đồng bảo hiểm, không ký tên trên hồ sơ yêu cầu bồi thường, bên mua bảo hiểm không muốn tham gia và đề nghị Công ty hủy các hợp đồng bảo hiểm. Qua xác minh, Công ty xác định hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm này được tạo lập không đúng quy định của Công ty.

- Số tiền đóng phí bảo hiểm đã được hoàn trả lại cho bên mua bảo hiểm, cụ thể: Ông Nguyễn Thanh L nhận tiền mặt tại quầy Dịch vụ khách hàng; Ông Võ Ngọc H7, bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị Kim H5 được Công ty chuyển khoản vào số tài khoản của những người này.

[3.2.2] Theo Giấy xác nhận làm chứng của bà Đỗ Thị Bích T đề ngày 30/5/2023 (được Văn phòng công chứng Đ chứng thực ngày 31/5/2023) bà T trình bày: Số tiền đóng phí bảo hiểm của bà Nguyễn Thị Kim H5, ông Võ Ngọc

H7 và bà Nguyễn Thị C là do bà H cho bà P mượn rồi đưa cho bà T nộp phí bảo hiểm cho Công ty, chứ không phải là tiền của bà Nguyễn Thị P hoặc người nhà của bà P đưa cho bà T để nộp.

[3.3] Như vậy đủ cơ sở để khẳng định: Để đảm bảo chỉ tiêu của Đại lý bảo hiểm, bà Trương Thị Minh H (là Đại lý bảo hiểm của Công ty Cổ phần B) đã trao đổi với bà Nguyễn Thị P để ghi tên người thân của bà P trên 04 hợp đồng bảo hiểm: Số H đứng tên bên mua bảo hiểm là ông Nguyễn Thanh L (chồng của bà P), số 80096963 đứng tên bên mua bảo hiểm là bà Nguyễn Thị Kim H5 (con của bà P), số H đứng tên bên mua bảo hiểm là ông Võ Ngọc H7 (con rể của bà P) và số 80098652 đứng tên bên mua bảo hiểm là bà Nguyễn Thị C (chị của bà P). Số tiền phí bảo hiểm ban đầu đóng cho 04 hợp đồng bảo hiểm này là do bà H cho bà P vay để đóng. Quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm, do thấy 04 hợp đồng bảo hiểm này không đúng quy định vì không phải do người tham gia bảo hiểm ký, nên bà P đã liên hệ với Công ty Cổ phần B để hủy 04 hợp đồng này. Sau khi xác minh, Công ty Cổ phần B đã ra thông báo hủy 04 hợp đồng bảo hiểm này, đồng thời hoàn trả lại tiền phí bảo hiểm đã đóng cho những người đứng tên trên 04 hợp đồng bảo hiểm là ông Nguyễn Thanh L, ông Võ Ngọc H7, bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị Kim H5.

[3.4] Từ nhận định trên, xét thấy việc bà Nguyễn Thị P cho rằng bà không vay tiền của bà H để đóng phí cho 04 hợp đồng bảo hiểm và sở dĩ tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2022, bà P khai nhận có vay là do sau khi lập biên bản xong, bà không có kính nên không đọc được nội dung và chủ quan, tin tưởng nên không đọc lại biên bản, sau khi ký xong bà về nhà xem lại thấy nội dung không đúng nên đã có đơn phản ánh gửi Tòa án, lý do này bà P đưa ra là hoàn toàn không có cơ sở để chấp nhận. Vì Hội đồng xét xử khẳng định bà P có vay của bà H không chỉ căn cứ vào Biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2022, mà còn căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ như đã nhận định trên.

[3.5] Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và được thu thập bổ sung tại cấp phúc thẩm đã đủ cơ sở để kết luận về vụ án, nên việc bà P yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập 03 Thẩm phán và Thư ký được phân công giải quyết các vụ án để làm rõ lời khai của bà P là không cần thiết; Mặt khác, Bộ luật Tố tụng dân sự cũng không có quy định về việc triệu tập người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đến phiên tòa phúc thẩm.

[3.6] Do đó, quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trương Thị Minh H là hoàn toàn có căn cứ, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 289, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị Minh H về khoản tiền chiết khấu hợp đồng bảo hiểm 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*) bà Trương Thị Minh H yêu cầu bà Nguyễn Thị P trả lại.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị Minh H; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Minh H: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị P trả cho nguyên đơn bà Trương Thị Minh H 68.032.000 đồng (*Sáu mươi tám triệu, không trăm ba mươi hai nghìn đồng*) đã vay để đóng phí cho 04 hợp đồng bảo hiểm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị P phải chịu 3.401.500 đồng (*Ba triệu, bốn trăm lẻ một nghìn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc nguyên đơn bà Trương Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (đối với yêu cầu không được chấp nhận), nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.143.000 đồng (*Hai triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0014859 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh; H4 lại cho bà Trương Thị Minh H 1.843.000 đồng (*Một triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Trương Thị Minh H 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0017598 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND huyện Đ.Linh;
- VKSND huyện Đ.Linh;
- Chi cục THADS huyện Đ.Linh;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP, TDS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái